

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 193/GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 7 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật số 146/2025/QH-15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Sản phẩm thể thao Cheng Da tại Văn bản số 01/CVMT-CHENGDA ngày 06 tháng 04 năm 2026 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường, Văn bản số 02/CVMT ngày 17 tháng 06 năm 2026 về việc giải trình các nội dung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 9293/TTr-SNN&MT ngày 26 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sản phẩm thể thao Cheng Da, địa chỉ: Lô C27A, Lô C27B – Cụm công nghiệp (CCN) Gia Thuận 1, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Công ty TNHH Sản phẩm thể thao Cheng Da (gia công đế giày – công suất 19.200.000 đôi/năm và sản xuất eva mút xốp – công suất 480.000 tấm/năm) có địa chỉ tại Lô C27A, Lô C27B – CCN Gia Thuận 1, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

a) Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Sản phẩm thể thao Cheng Da (gia

công để giày – công suất 19.200.000 đôi/năm và sản xuất eva mút xốp – công suất 480.000 tấm/năm).

b) Địa điểm hoạt động: Lô C27A, Lô C27B – CCN Gia Thuận 1, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 9875586238 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp chứng nhận lần đầu ngày 19/11/2025.

d) Mã số thuế: 1201716973.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: gia công để giày và sản xuất eva mút xốp.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 20.117,6 m².

- Nhóm dự án: dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất:

+ Để giày: 19.200.000 đôi/năm (tương đương 800 tấn/năm);

+ Eva mút xốp: 480.000 tấm/năm (tương đương 900 tấn/năm).

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình gia công để giày: Nguyên liệu → Cân định lượng → Phối trộn → Cán liệu → Cắt miếng → Phát phòng → Cắt cọng → Tách → Dập/ép → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất eva mút xốp: nguyên liệu → Cân định lượng → Phối trộn → Cán liệu → Cắt miếng → Phát phòng → (1)/(2).

(1) Sản phẩm cuộn/tấm: Cắt biên → Dán liệu → Tách/cuộn → Đóng gói → Thành phẩm.

(2) Sản phẩm dập/ép đôi: Cắt cọng → Tách → Dập/ép → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

đ) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sản phẩm thể thao Cheng Da được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sản phẩm thể thao Cheng Da có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng năm 2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *mmn*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- UBND xã Gia Thuận;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang;
- Công ty TNHH Sản phẩm thể thao Cheng Da;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, GVi.

KT. CHỦ TỊCH *mech*
PHÓ CHỦ TỊCH



huh
***Nguyễn Thành Diệu**

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 193/GPMT-UBND

ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ của dự án được đưa vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp (CCN) Gia Thuận 1, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường (theo Văn bản thống nhất đầu nối nước thải sinh hoạt số 118/CV-TICCO ngày 01/04/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang là chủ đầu tư hạ tầng CCN Gia Thuận 1).

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên từ các khu nhà vệ sinh và khu vực ăn uống. Lưu lượng tối đa: khoảng 16,8 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải với CCN Gia Thuận 1

- Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Gia Thuận 1.

- Vị trí xả nước thải: hố ga đầu nối nước thải trên đường số 3, CCN Gia Thuận 1; tọa độ vị trí đầu nối nước thải: X = 1155601, Y = 0690975 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 16,8 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả thải: liên tục (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Gia Thuận 1: đạt tiêu chuẩn nước thải đầu nối nước thải của CCN Gia Thuận 1.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 5 ngăn/bồn tự hoại + (Nước thải sinh hoạt từ khu vực ăn uống → Bể tách dầu mỡ) → Hố ga giám sát → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Gia Thuận 1.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công suất thiết kế:

+ 03 bể tự hoại 5 ngăn, tổng thể tích 30m^3 .

+ 01 bể tự hoại 5 ngăn, thể tích 5m^3 .

+ 01 bồn tự hoại, thể tích 1m^3 .

+ 01 bể tách dầu mỡ, thể tích 1m^3 .

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án tại mục A phụ lục này bảo đảm đáp ứng quy định về chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Gia Thuận 1.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty TNHH Sản phẩm thể thao Cheng Da chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Gia Thuận 1./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **193** /GPMT-UBND
ngày **01** tháng **7** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: bụi, khí thải phát sinh từ lò dầu truyền nhiệt số 01 (công suất: 1,8 triệu Kcal/giờ, sử dụng nhiên liệu viên trấu nén).
- Nguồn số 02: bụi, khí thải phát sinh từ lò dầu truyền nhiệt số 02 (công suất: 1,8 triệu Kcal/giờ, sử dụng nhiên liệu viên trấu nén).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

a) Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: ống thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò dầu truyền nhiệt số 1 (nguồn số 01); tọa độ vị trí xả thải X= 1155752; Y= 0691067 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).
- Dòng khí thải số 02: ống thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò dầu truyền nhiệt số 2 (nguồn số 02); tọa độ vị trí xả thải X = 1155752; Y= 0691068 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: 10.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: 10.000 m³/giờ.

c) Phương thức xả khí thải: xả khí thải gián đoạn (12 giờ/ngày).

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2024/BTNMT (cột C)*	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 60		
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 300		
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	≤ 250		
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	≤ 350		

**Ghi chú: Cột C quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải theo quy định tại mục 1.3.13 QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp; áp dụng với lò đầu tải nhiệt, sử dụng nhiên liệu sinh khối (viên trấu nén), nhiệt lượng 1,8 triệu Kcal/giờ.*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: bụi, khí thải phát sinh từ lò đầu truyền nhiệt số 1 phát sinh được thu gom và dẫn bằng đường ống kích thước D500mm về hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 10.000m³/giờ để xử lý (HT1).

- Nguồn số 02: bụi, khí thải phát sinh từ lò đầu truyền nhiệt số 2 phát sinh được thu gom và dẫn bằng đường ống kích thước D500mm về hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 10.000m³/giờ để xử lý (HT2).

b) Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò đầu truyền nhiệt số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Ống hút + hệ thống ống dẫn → Lọc bụi bằng cyclone → Buồng dập nước → Quạt hút → Ống thải (đường kính D=500mm; chiều cao H=15m).

+ Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước sạch.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò đầu truyền nhiệt số 02:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Ống hút + hệ thống ống dẫn → Lọc bụi bằng cyclone → Buồng dập nước → Quạt hút → Ống thải (đường kính D=500mm; chiều cao H=15m).

+ Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước sạch.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 10/2026 đến tháng 04/2027.

b) Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò dầu truyền nhiệt số 01; tọa độ vị trí lấy mẫu: $X = 1155752$; $Y = 0691067$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°).

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò dầu truyền nhiệt số 02; tọa độ vị trí lấy mẫu: $X = 1155752$; $Y = 0691068$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°).

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo mục 2 phần A của phụ lục này.

c) Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường; theo dõi, giám sát hoạt động của các khu vực sản xuất có phát sinh mùi, bụi, ... từ quá trình hoạt động để có biện pháp quản lý, xử lý phù hợp đảm bảo môi trường và sức khỏe người lao động.

b) Công ty TNHH Sản phẩm thể thao Cheng Da chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 193 /GPMT-UBND
ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy trộn nguyên liệu 75L;
- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, dây chuyền đùn nguyên liệu (dây chuyền đùn – lọc cao su tích hợp, máy tạo hạt trực vít đôi, dây chuyền đùn tấm TPU (02 chuyền));
- Nguồn số 03: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các bồn tạo bột nằm ngang (6 nôi);
- Nguồn số 04: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các lò sấy gia nhiệt sơ bộ 12 tầng (2 máy);
- Nguồn số 05: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy tạo bột siêu tới hạn cỡ lớn (10 máy);
- Nguồn số 06: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các lò sấy lưu hóa 12 tầng (2 lò);
- Nguồn số 07: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các nồi hấp áp suất nhiệt 3 Mpa (3 nôi);
- Nguồn số 08: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị cắt (bàn cưa, máy cắt biên, cắt dải, dây chuyền cắt lớn tự động, máy dập);
- Nguồn số 09: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các lò dầu truyền nhiệt (02 lò);
- Nguồn số 10: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy nén khí;
- Nguồn số 11: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút hệ thống xử lý khí thải lò dầu số 01;
- Nguồn số 12: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút hệ thống xử lý khí thải lò dầu số 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (tọa độ lấy tại trung tâm của khu vực phát sinh tiếng ồn và rung)

- Nguồn số 01: X = 1155755; Y = 691034.
- Nguồn số 02: X = 1155788; Y = 691053.
- Nguồn số 03: X = 1155825; Y = 691038.
- Nguồn số 04: X = 1155817; Y = 691027.

- Nguồn số 05: $X = 1155811$; $Y = 690988$.
- Nguồn số 06: $X = 1155818$; $Y = 691026$.
- Nguồn số 07: $X = 1155794$; $Y = 690943$.
- Nguồn số 08: $X = 1155782$; $Y = 691036$.
- Nguồn số 09: $X = 1155823$; $Y = 691048$.
- Nguồn số 10: $X = 1155818$; $Y = 690976$.
- Nguồn số 11: $X = 1155752$; $Y = 691067$.
- Nguồn số 12: $X = 1155752$; $Y = 691068$.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau

Áp dụng QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

- Độ rung

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: khu vực sản xuất được bố trí cách ly với khu vực văn phòng. Các chân đế, bệ bồn được gia cố bằng bê tông, lắp đệm chống ồn cho các máy móc. Thường xuyên bảo trì máy móc, thay thế phụ tùng cũ hư hỏng. Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân; trang bị nút tai, chụp tai chống ồn có hiệu quả.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông; lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su bên dưới máy móc để giảm rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

b) Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **193** /GPMT-UBND
ngày **01** tháng **7** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	20
2	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	200
3	Pin, ắc quy thải	19 06 01	Rắn	20
4	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	Lỏng	20.000
	Tổng khối lượng			20.240

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 1.216,896 tấn /năm.

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 32,76 tấn/năm.

d) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	20
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	150
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	18 01 03	Rắn	200
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	Rắn	300
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 02	Rắn	500
6	Nước thải có thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý khí thải	19 10 01	Lỏng	20.800
7	Cặn nước thải có các thành phần	19 10 02	Bùn/lỏng	480

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
	nguy hại (từ tháp giải nhiệt và hệ thống xử lý khí thải)			
	Tổng khối lượng			22.430

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa: 09 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu tường, mái lợp tôn, nền bê-tông. Xung quanh kho chứa chất thải nguy hại có gờ cao. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát được lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại như chất thải nguy hại.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích khu vực lưu chứa: 09 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có thiết bị chữa cháy, có biển cảnh báo và bảng tên ghi rõ kho chứa chất thải công nghiệp thông thường.

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 09 m², bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy dung tích từ 60 - 120 lít tại các khu vực văn phòng, nhà ăn và xưởng sản xuất.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Công ty TNHH Sản phẩm thể thao Cheng Da có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **193** /GPMT-UBND

ngày **01** tháng **7** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.

